

Bản án số: 184/2025/KDTM-PT
Ngày: 17/6/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng cho
thuê tài chính”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Đạt

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Anh
2. Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tâm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm - Kiểm sát viên

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/TLPT-
KDTM ngày 13/3/2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 53/2024/KDTM-ST ngày
23/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5813/2025/QĐXX-
PT ngày 29/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7342/2025/QĐ-HPT ngày
27/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty C1 - Địa chỉ: Tầng B, Cao ốc S, Số C T, phường
B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh - Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn
Thị Thu B - Địa chỉ: Tầng B, Cao ốc S, Số C T, phường B, Quận A, Tp ..

Bị đơn: Công ty Cổ phần D - Địa chỉ: Số A D, phường V, Quận C,
Thành phố Hồ Chí Minh - Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Gia C -
Địa chỉ: Số C C, Phường A, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Kim S - Địa chỉ: Số E N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ
Chí Minh

- Ông Nguyễn Thanh Q - Địa chỉ: Số B Y, Phường B, quận T, Thành
phố Hồ Chí Minh

Các đương sự có mặt tại phiên tòa, tuyên án ngày 17/6/2025

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn Công ty C1 có bà Nguyễn Thị Thu B là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty C1 (sau đây gọi tắt là Công ty C1) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) là khách hàng có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C1 tài trợ tài chính. Do đó ngày 30/11/2020, hai bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số C200822602 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, Công ty C1 cho Công ty Đ thuê tài chính là: 01 nồi hơi công suất 8 tấn/ giờ, mã hiệu: TQ8000 – 16 – TS (sau đây gọi tắt là “Tài sản thuê”).

Cùng ngày 30/11/2020, để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, cá nhân của bà Trần Kim S, ông Nguyễn Thanh Q phát hành Thư bảo lãnh. Theo đó, trường hợp Công ty Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, bà S và ông Q cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty Đ.

Để thực hiện Hợp đồng thuê số C200822602, Công ty C1 đã ký Hợp đồng mua bán số C200822602-PC vào ngày 30/11/2020 để mua tài sản cho thuê từ chính Công ty Đ và cho Công ty Đ thuê lại tài sản thuê này. Đây là hình thức mua và cho thuê lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2020, Công ty Đ đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê. Tổng giá trị của tài sản thuê là 17.778.947.368 đồng. Trong đó Công ty Đ trả trước 9.422.842.105 đồng (gọi là “Tiền trả trước”), số tiền mà Công ty C1 tài trợ là 8.356.105.263 đồng (gọi là “Giá trị thuê”). Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 36 tháng, kể từ ngày 02/12/2020. Công ty Đ ký cược để đảm bảo thực hiện hợp đồng số tiền 1.244.526.316 đồng. Hàng tháng, Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty C1 tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc (giá trị thuê) và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công Chailease đã tài trợ cùng các khoản lãi theo hợp đồng thuê. Trước khi Công ty Đ trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C1 vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với tài sản thuê.

Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng cho thuê tài chính, nếu Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C1 đều có quyền chấm dứt hợp đồng thuê trước

thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty Đ bồi thường thiệt hại (nếu có).

Lãi suất thuê áp dụng cho hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại các thông báo bắt đầu thuê mà nguyên đơn đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam. Theo đó, lãi suất thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C1 cộng với biên độ cố định.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ thường xuyên vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đúng hạn, mặc dù Công ty C1 đã nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty Đ vẫn không thanh toán đúng theo hợp đồng.

Do Công ty Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê. Vì vậy, ngày 04/8/2023, Công ty C1 đã phát hành Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty Đ thanh toán tổng số tiền còn lại theo hợp đồng thuê tính đến ngày 04/8/2023 (ngày chính thức chấm dứt hợp đồng thuê) là 3.280.013.382 đồng.

Sau khi chấm dứt hợp đồng thuê, Công ty C1 đã nhiều lần liên hệ với Công ty Đ để yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Tuy nhiên, Công ty Đ vẫn chưa thực hiện.

Ngày 23/8/2023, Công ty C1 phát hành Thư yêu cầu bà S và ông Q thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê thay cho Công ty Đ theo nội dung Thư bảo lãnh nhưng cá nhân bà S và ông Q cũng cố tình không thực hiện.

Vì vậy ngày 07/9/2023 Công ty C1 đã có đơn khởi kiện Công ty Đ. Ngày 26/07/2024, Công ty C1 tiến hành cản trừ số tiền ký cược bảo đảm là 1.244.526.316 đồng vào nợ gốc cho Công ty Đ (sau khi cản trừ thì số nợ gốc còn lại là 1.480.110.515 đồng). Quá trình giải quyết vụ án, Công ty C1 đã có đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể đến nay Công ty C1 có các yêu cầu khởi kiện đối với Công ty Đ như sau:

1. Buộc Công ty Cổ phần Đ thanh toán cho Công ty C1 số tiền thuê mà Công ty Cổ phần Đ còn nợ (tạm tính đến ngày 21/8/2024) là 2.249.992.893 đồng, cụ thể như sau:

- Nợ gốc là 1.480.110.515 đồng;
- Nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 04/8/2023 là 177.587.077 đồng;
- Giá trị còn lại và các khoản phải thu khác là 177.789.474 đồng;
- Nợ lãi quá hạn (chậm thanh toán) từ ngày 04/8/2023 (tạm tính đến ngày 21/08/2024) là 414.505.827 đồng.

2. Buộc Công ty Cổ phần Đ thanh toán cho Công ty C1 tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 22/08/2024 tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng thuê cho thuê tài chính.

3. Trường hợp Công ty Cổ phần Đ không thanh toán đầy đủ số tiền nợ, buộc ông Nguyễn Thanh Q, bà Trần Kim S thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền Công ty Đ còn nợ. Nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn phải bàn giao lại tài sản thuê.

Tại bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được bị đơn Công ty Đ có ông Nguyễn Gia C là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Đ có ký Hợp đồng cho thuê tài chính số C200822602 với Công ty C1 đúng như nội dung nguyên đơn đã trình bày.

Đối với tài sản thuê là 01 (một) nồi hơi công suất 8 tấn/ giờ, mã hiệu: TQ8000 - 16 - TS hiện đang do Công ty Đ quản lý sử dụng. Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu bên bị đơn phải giao trả tài sản thuê thì bị đơn không có ý kiến gì.

Đối với phần nợ lãi quá hạn tính trên nợ gốc, theo điều 26.3.1 Hợp đồng thuê xác định: *“Tiền lãi thuê trên số tiền vốn gốc và thuế GTGT (nếu có) còn lại theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất thuê tại ngày gần nhất trước ngày chấm dứt hợp đồng thuê trước hạn được tính từ ngày chấm dứt hợp đồng Thuê trước hạn cho đến thời điểm trả hết số tiền vốn gốc và thuế GTGT (nếu có)”*. Mức lãi suất Công ty C1 xác định trước ngày chấm dứt hợp đồng thuê trước hạn là 10.63%. Do đó, lãi suất quá hạn phải được xác định như sau: $10.63\% \times 150\% = 15.945\%$. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, Công ty C1 xác định lãi suất quá hạn áp dụng 16% là chưa đúng.

Đối với số nợ gốc đã giảm do ngày 26/7/2024, nguyên đơn tiến hành cân trừ số tiền ký cược bảo đảm là 1.244.526.316 đồng vào nợ gốc cho Công ty Cổ phần Đ (sau khi cân trừ thì số nợ gốc còn lại là 1.480.110.515 đồng). Nguyên đơn sẽ kiểm tra lại và có văn bản trình bày ý kiến trình cụ thể cho Tòa án vào ngày 23/8/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim S và ông Nguyễn Thanh Q: Bà S và ông Q mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt và không gửi văn bản ý kiến trình bày.

Bản án sơ thẩm số 53/2024/KDTM-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải trả cho nguyên đơn Công ty C1 số tiền 2.271.626.558 đồng là công nợ phát sinh khi chấm dứt “*Hợp đồng cho thuê tài chính*” số C200822602 ngày 30/11/2020 mà hai bên đã ký kết, trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 1.480.110.515 đồng;
- Lãi trong hạn: 177.587.077 đồng;
- Giá trị còn lại và các khoản phải thu khác: 177.789.474 đồng;
- Lãi quá hạn (*chậm thanh toán*) từ ngày 04/8/2023 đến ngày 23/9/2024 là 436.139.492 đồng.

Việc trả tiền được thực hiện một lần ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Bị đơn Công ty Cổ phần Đ còn phải tiếp tục trả tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong “*Hợp đồng cho thuê tài chính*” số C200822602 ngày 30/11/2020 đối với số nợ gốc chậm thanh toán kể từ ngày 24/9/2024 cho đến khi trả hết nợ.

1.3 Trường hợp bị đơn Công ty Cổ phần Đ không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh Q, bà Trần Kim S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 toàn bộ số nợ mà Công ty Cổ phần Đ chưa thanh toán.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải giao trả tài sản thuê là 01 (*một*) nồi hơi công suất 8 tấn/giờ, mã hiệu: TQ8000 - 16 - TS.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 03/10/2024 Công ty Đ có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 53/2024/KDTM-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn kháng cáo xin thời gian 03 tháng để thanh toán nợ cho nguyên đơn.

Nguyên đơn Công ty C1 đồng ý cho bị đơn Công ty Cổ phần Đ thời hạn 03 (ba) tháng chậm nhất đến hết ngày 17/9/2025 để thanh toán số tiền 2.271.626.558 đồng là công nợ phát sinh khi chấm dứt “*Hợp đồng cho thuê tài chính*” số C200822602 ngày 30/11/2020 mà hai bên đã ký kết, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 1.480.110.515 đồng; Lãi trong hạn: 177.587.077 đồng; Giá trị

còn lại và các khoản phải thu khác: 177.789.474 đồng và Lãi quá hạn (*chậm thanh toán*) từ ngày 04/8/2023 đến ngày 23/9/2024 là 436.139.492 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý hồ sơ đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 74, Điều 199, Điều 200, Điều 201 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm ghi nhận việc bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo xin thời hạn 03 tháng để thanh toán nợ cho nguyên đơn và sự đồng ý của nguyên đơn về việc đồng ý cho bị đơn thời hạn 03 tháng để thanh toán nợ. Các phần khác của Bản án sơ thẩm bị đơn không kháng cáo nên giữ nguyên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Đ làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn Công ty Đ thay đổi yêu cầu kháng cáo, xin thời hạn 03 tháng để thanh toán nợ cho nguyên đơn. Đại diện nguyên đơn Công ty C1 đồng ý cho bị đơn thời hạn 03 tháng để thanh toán số nợ trên.

[2.1] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Công ty C1 đồng ý cho bị đơn Công ty Cổ phần Đ thời hạn 03 (ba) tháng chậm nhất đến hết ngày 17/9/2025 để thanh toán số tiền 2.271.626.558 đồng là công nợ phát sinh khi chấm dứt “*Hợp đồng cho thuê tài chính*” số C200822602 ngày 30/11/2020 mà hai bên đã ký kết, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 1.480.110.515 đồng; Lãi trong

hạn: 177.587.077 đồng; Giá trị còn lại và các khoản phải thu khác: 177.789.474 đồng và Lãi quá hạn (*chậm thanh toán*) từ ngày 04/8/2023 đến ngày 23/9/2024 là 436.139.492 đồng.

Đối với các nội khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên không xem xét giải quyết.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ghi nhận việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của bị đơn xin thời hạn 03 tháng để thanh toán nợ cho nguyên đơn và sự đồng ý của nguyên đơn về việc đồng ý cho bị đơn thời hạn 03 tháng để thanh toán nợ. Các phần khác của Bản án sơ thẩm bị đơn không kháng cáo nên giữ nguyên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Đ, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 53/2024/KDTM-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tình tiết mới nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[5] Về án kinh doanh thương mại sơ thẩm: Giữ nguyên án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm như Bản án sơ thẩm số 53/2024/KDTM-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên.

[6] Về án kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Đ nên Công ty Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Đ, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 53/2024/KDTM-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải trả cho nguyên đơn Công ty C1 số tiền 2.271.626.558 đồng là công nợ phát sinh khi chấm dứt “*Hợp đồng cho thuê tài chính*” số C200822602 ngày 30/11/2020 mà hai bên đã ký kết, trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 1.480.110.515 đồng;

- Lãi trong hạn: 177.587.077 đồng;
- Giá trị còn lại và các khoản phải thu khác: 177.789.474 đồng;
- Lãi quá hạn từ ngày 04/8/2023 đến ngày 23/9/2024 là 436.139.492 đồng.

Thời hạn mà Công ty Cổ phần Đ phải trả cho nguyên đơn Công ty C1 toàn bộ số nợ trên là 03 tháng chậm nhất đến hết ngày 17/9/2025.

1.2 Bị đơn Công ty Cổ phần Đ còn phải tiếp tục trả tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong “*Hợp đồng cho thuê tài chính*” số C200822602 ngày 30/11/2020 đối với số nợ gốc chậm thanh toán kể từ ngày 24/9/2024 cho đến khi trả hết nợ.

1.3 Trường hợp bị đơn Công ty Cổ phần Đ không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh Q, bà Trần Kim S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 toàn bộ số nợ mà Công ty Cổ phần Đ chưa thanh toán.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải giao trả tài sản thuê là 01 (một) nồi hơi công suất 8 tấn/giờ, mã hiệu: TQ8000 - 16 - TS.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1 Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 77.432.531 (bảy mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn năm trăm ba mươi một) đồng.

3.2 Hoàn trả cho Công ty C1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.094.849 (bốn mươi chín triệu không trăm chín mươi bốn ngàn tám trăm bốn mươi chín) đồng theo biên lai thu tiền số 0002266 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn Công ty Cổ phần Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng. Hoàn trả số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng cho Công ty Cổ phần Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0040662 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- Cục THA DS TP . HCM;
- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Quốc Đạt